

1. Ông Huỳnh Hữu L, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thới Bình (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

3. Ông Quách Văn T (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Trần Thị B (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 24/02/2023, biên bản hòa giải ngày 06/4/2023, ngày 08/5/2023 cũng như tại phiên tòa ông Huỳnh Hùng C trình bày:*

Ông C và bà H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002 nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, sống chung không hợp nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, anh chị không còn chung sống với nhau từ 08 tháng nay. Nay ông C yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Thời gian chung sống ông bà có 02 con chung tên Huỳnh Vỹ K, sinh năm 2002 và Huỳnh Nhật H, sinh năm 2004. Khi ly hôn ông C tự nguyện giao cháu K cho bà H nuôi dạy vì cháu K bị bệnh nhưng ông không cấp dưỡng nuôi con; cháu Nhật H đã trưởng thành nên theo ai người đó nuôi dạy ông C không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông C và bà H tự thỏa thuận giao toàn bộ tài sản chung cho ông C quản lý sử dụng và ông C có trách nhiệm thanh toán nợ cho vợ chồng ông L, bà Thu B là 25.000.000 đồng, thanh toán nợ cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Thới Bình số tiền 30.000.000 đồng, thanh toán nợ cho ông T 22.000.000 đồng nên ông C không yêu cầu giải quyết.

**Tại biên bản hòa giải ngày 06/4/2023, ngày 08/5/2023 cũng như tại phiên tòa bà Trần Thị H trình bày:*

Bà H thống nhất với phần trình bày của ông C về các mối quan hệ như hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Do ông bà sống chung không còn hạnh phúc nên bà thống nhất ly hôn theo yêu cầu ông C. Bà H yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu Vỹ K vì cháu K bị bệnh nhưng bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu H đã trưởng thành theo ai người đó nuôi dạy bà không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung và nợ chung ông bà đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Ông C và bà H chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận ông bà là vợ chồng; con chung đề nghị giao cháu K cho bà H tiếp tục nuôi dạy nhưng ông C không phải cấp dưỡng nuôi cháu K, cháu H đã trưởng thành nên theo ai người đó nuôi dạy; tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không đề nghị không xem xét. Án phí sơ thẩm đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Huỳnh Hùng C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị H. Do ông bà chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Bà H có địa chỉ cư trú ở ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau; chỗ ở hiện nay là ấp A, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng ông L, ông T, bà Thu B có ý kiến không yêu cầu ông C, bà H phải thanh toán nợ và xin vắng mặt tại vụ án; Riêng Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thới Bình vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thới Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. ông L, ông T và bà Thu B có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông C và bà H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và có xác nhận của Ủy Ban nhân dân xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông Huỳnh Hùng C và bà Trần Thị H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống ông bà có hai người con chung tên Huỳnh Võ K, sinh năm 2002 và Huỳnh Nhật H, sinh năm 2004. Xét thấy, tại biên bản ghi lời khai ngày 06/4/2023 cháu K xác định hiện cháu đang sống chung với bà H và có yêu cầu được tiếp tục sống chung với bà H. Quá trình giải quyết vụ án ông C và bà H thỏa thuận tiếp tục giao cháu Võ K cho bà H nuôi dạy vì cháu K tuy đã trưởng thành nhưng bị bệnh và có hưởng trợ cấp hàng tháng nên việc bà H chăm sóc là có cơ sở và phù hợp với ý chí nguyện vọng của cháu K. Riêng cháu H đã trưởng thành nên theo ai người đó nuôi dạy; bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi cháu K, vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông C và bà H thừa nhận thời gian chung sống ông bà có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Ông C và bà H thừa nhận thời gian chung sống có nợ vợ chồng ông L và bà Thu B số tiền 25.000.000 đồng, nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thới Bình số tiền 30.000.000 đồng, nợ ông T 22.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà H tự nguyện giao toàn bộ tài sản chung cho ông C quản lý sử dụng và ông C tự nguyện thanh toán toàn bộ khoản nợ chung. Xét thấy, ông C và bà H thừa nhận có nợ ông L, bà Thu B, ông T và Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thới Bình và ông C tự nguyện thanh toán số nợ chung nhưng ông L, bà Thu B, ông T và đại diện ngân hàng chính sách xã hội huyện Thới Bình không có yêu cầu giải quyết tại vụ án nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự sẽ khởi kiện tại vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông C phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận ông Huỳnh Hùng C và bà Trần Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Ông Huỳnh Hùng C có nghĩa vụ giao con chung tên Huỳnh Vũ K, sinh năm 2002 cho bà Trần Thị H tiếp tục nuôi dạy. Ông C không phải cấp dưỡng nuôi cháu K. Ông C không trực tiếp nuôi dạy cháu K nhưng ông có quyền thăm nom, chăm sóc cháu K phù hợp theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết tại vụ án nên không xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện theo quy định pháp luật.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Huỳnh Hùng C phải nộp 300.000 đ (*B trăm nghìn đồng*). Vào ngày 27 tháng 02 năm 2023 ông C có dự nộp 300.000 đồng (*B trăm nghìn đồng*) theo biên lai 0003405 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phi Hùng – Hồ Lệ Hoa

Nguyễn Kiều Trang